

BÀI TIẾT NƯỚC TIỂU

I. MỤC TIÊU

Kiến thức

- Cấu tạo trong của thận, hiểu và Hiểu được vì thể thận là đơn vị chức năng.
- Chức năng lọc máu hình thành nước tiểu.
- Nêu quá trình bài tiết nước tiểu

II. Hình thành kiến thức

Hoạt động 1: Tạo thành nước tiểu

- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK mục I, quan sát H 39.1 để tìm hiểu sự tạo thành nước tiểu.
- Sự tạo thành nước tiểu gồm những quá trình nào? diễn ra ở đâu?

-
- Thành phần nước tiểu đầu khác máu ở điểm nào?

-
- Vì sao có sự khác nhau về thành phần của nước tiểu đầu và máu ?

I. Tạo thành nước tiểu

- Sự tạo thành nước tiểu gồm 3 quá trình:

+ Quá trình lọc máu ở cầu thận: máu tới cầu thận với áp lực lớn tạo lực đẩy nước và các chất hoà tan có kích thước nhỏ qua lỗ lọc (30-40 angstrom) trên vách mao mạch vào nang cầu thận (các tế bào máu và prôtêin có kích thước lớn nên không qua lỗ lọc). Kết quả tạo ra nước tiểu đầu trong nang cầu thận.

+ Quá trình hấp thụ lại ở ống thận: nước tiểu đầu được hấp thụ lại nước và các chất cần thiết (chất dinh dưỡng, các ion cần cho cơ thể...).

+ Quá trình bài tiết tiếp (ở ống thận): bài tiết tiếp chất thừa, chất thải tạo thành nước tiểu chính thức.

Hoạt động 2: Thải nước tiểu

- Yêu cầu HS đọc thông tin SGK
- Sự thải nước tiểu diễn ra như thế nào? (dùng hình vẽ để minh hoạ).

-
- Thực chất của quá trình tạo thành nước tiểu là gì?

-
- Vì sao sự tạo thành nước tiểu diễn ra liên tục mà sự bài tiết nước tiểu lại gián đoạn?
-

- GV lưu ý HS: Trẻ sơ sinh, bài tiết nước tiểu là phản xạ không điều kiện, ở người trưởng thành đây là phản xạ có điều kiện do vỏ não điều khiển.

II. Thải nước tiểu

- Nước tiểu chính thức tạo thành đổ vào bể thận, qua ống dẫn nước tiểu xuống tích trữ ở bóng đái, sau đó được thải ra ngoài nhờ hoạt động của cơ bóng đái và cơ bụng.

KẾ HOẠCH ÔN TẬP CUỐI KÌ 1 SINH 8

I. Mục tiêu

Củng cố kiến thức cho HS về đại cương trồng trọt: Sản xuất và bảo quản giống cây trồng, phòng trừ sâu bệnh hại cho cây trồng. Thông qua một số quy trình sản xuất và bảo vệ môi trường trong trồng trọt: như làm đất, bón phân lót,... thu hoạch, bảo quản, chế biến nông sản

1. Hệ thống kiến thức trong tâm

Câu 1. Bộ phận nào dưới đây không thuộc hệ hô hấp ?

A. Thanh quản B. Thực quản C. Khí quản D. Phế quản

Câu 2. Loại sụn nào dưới đây có vai trò đệm kín đường hô hấp khi chúng ta nuốt thức ăn ?

A. Sụn thanh nhiệt

B. Sụn nhẫn

C. Sụn giáp

D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 3. Khí quản người được tạo thành bởi bao nhiêu vòng sụn khuyết hình chữ C ?

A. 20 – 25 vòng sụn B. 15 – 20 vòng sụn

C. 10 – 15 vòng sụn D. 25 – 30 vòng sụn

Câu 4. Bộ phận nào dưới đây ngoài chức năng hô hấp còn kiêm thêm vai trò khác ?

A. Khí quản B. Thanh quản

C. Phổi D. Phế quản

Câu 5. Phổi người trưởng thành có khoảng

A. 200 – 300 triệu phế nang.

B. 800 – 900 triệu phế nang.

C. 700 – 800 triệu phế nang.

D. 500 – 600 triệu phế nang.

Câu 6. Trong đường dẫn khí của người, khí quản là bộ phận nối liền với

A. họng và phế quản.

B. phế quản và mũi.

C. họng và thanh quản

D. thanh quản và phế quản.

Câu 7. Trong quá trình hô hấp, con người sử dụng khí gì và loại thải ra khí gì ?

A. Sử dụng khí nitơ và loại thải khí cacbôníc

B. Sử dụng khí cacbôníc và loại thải khí ôxi

C. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí cacbôníc

D. Sử dụng khí ôxi và loại thải khí nitơ

Câu 8. Bộ phận nào của đường hô hấp có vai trò chủ yếu là bảo vệ, diệt trừ các tác nhân gây hại ?

A. Phế quản B. Khí quản

C. Thanh quản D. Họng

Câu 9. Mỗi lá phổi được bao bọc bên ngoài bởi mấy lớp màng ?

A. 4 lớp B. 3 lớp

C. 2 lớp D. 1 lớp

Câu 10. Lớp màng ngoài của phổi còn có tên gọi khác là

A. lá thành. < B. lá tạng.

C. phế nang. D. phế quản.

Câu 11. Ở người, một cử động hô hấp được tính bằng

A. hai lần hít vào và một lần thở ra.

B. một lần hít vào và một lần thở ra.

C. một lần hít vào hoặc một lần thở ra.

D. một lần hít vào và hai lần thở ra.

Câu 12. Hoạt động hô hấp của người có sự tham gia tích cực của những loại cơ nào ?

A. Cơ lưng xô và cơ liên sườn

B. Cơ ức đòn chũm và cơ hoành

C. Cơ liên sườn và cơ nhị đầu

D. Cơ liên sườn và cơ hoành

Câu 13. Khi chúng ta hít vào, cơ liên sườn ngoài và cơ hoành sẽ ở trạng thái nào ?

A. Cơ liên sườn ngoài dẫn còn cơ hoành co

B. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều dẫn

C. Cơ liên sườn ngoài và cơ hoành đều co

D. Cơ liên sườn ngoài co còn cơ hoành dẫn

Câu 14. Trong quá trình trao đổi khí ở tế bào, loại khí nào sẽ khuếch tán từ tế bào vào máu ?

A. Khí nitơ

B. Khí cacbôníc

C. Khí ôxi

D. Khí hiđrô

Câu 15. Trong 500 ml khí lưu thông trong hệ hô hấp của người trưởng thành thì có khoảng bao nhiêu ml khí nằm trong “khoảng chết” (không tham gia trao đổi khí) ?

A. 150 ml B. 200 ml

C. 100 ml D. 50 ml

Câu 16. Quá trình trao đổi khí ở người diễn ra theo cơ chế

- A. bổ sung.
- B. chủ động.
- C. thẩm thấu.
- D. khuếch tán.

Câu 17. Dung tích sống trung bình của nam giới người Việt nằm trong khoảng

- A. 2500 – 3000 ml.
- B. 3000 – 3500 ml.
- C. 1000 – 2000 ml.
- D. 800 – 1500 ml.

Câu 18. Lượng khí cặn nằm trong phổi người bình thường có thể tích khoảng bao nhiêu ?

- A. 500 – 700 ml.
- B. 1200 – 1500 ml.
- C. 800 – 1000 ml.
- D. 1000 – 1200 ml.

Câu 19. Khi chúng ta thở ra thì

- A. cơ liên sườn ngoài co.
- B. cơ hoành co.
- C. thể tích lồng ngực giảm.
- D. thể tích lồng ngực tăng.

Câu 20. Khi luyện thở thường xuyên và vừa sức, chúng ta sẽ làm tăng

- A. dung tích sống của phổi.
- B. lượng khí cặn của phổi.
- C. khoảng chết trong đường dẫn khí.
- D. lượng khí lưu thông trong hệ hô hấp.

Câu 21. Chất nào dưới đây hầu như không bị biến đổi trong quá trình tiêu hoá thức ăn ?

- A. Axit nuclêic
- B. Lipit
- C. Vitamin
- D. Prôtêin

Câu 22. Ở người, dịch tiêu hoá từ tuyến tụy sẽ đổ vào bộ phận nào ?

- A. Thực quản B. Ruột già
- C. Dạ dày D. Ruột non

Câu 23. Cơ quan nào dưới đây không phải là một bộ phận của hệ tiêu hoá ?

- A. Dạ dày B. Thực quản
- C. Thanh quản D. Gan

Câu 24. Tuyến vị nằm ở bộ phận nào trong ống tiêu hoá ?

- A. Dạ dày B. Ruột non
- C. Ruột già D. Thực quản

Câu 25. Trong hệ tiêu hoá ở người, bộ phận nào nằm liền dưới dạ dày ?

- A. Tá tràng B. Thực quản
C. Hậu môn D. Kết tràng

Câu 26. Trong ống tiêu hoá ở người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng chủ yếu thuộc về cơ quan nào ?

- A. Ruột thừa B. Ruột già
C. Ruột non D. Dạ dày

Câu 27. Quá trình biến đổi lí học và hoá học của thức ăn diễn ra đồng thời ở bộ phận nào dưới đây ?

- A. Khoang miệng
B. Dạ dày
C. Ruột non
D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 28. Qua tiêu hoá, lipit sẽ được biến đổi thành

- A. glixêrin và vitamin.
B. glixêrin và axit amin.
C. nuclêôtit và axit amin.
D. glixêrin và axit béo.

Câu 29. Chất nào dưới đây bị biến đổi thành chất khác qua quá trình tiêu hoá ?

- A. Vitamin B. Ion khoáng
C. Gluxit D. Nước

Câu 30. Tuyến tiêu hoá nào dưới đây không nằm trong ống tiêu hoá ?

- A. Tuyến tụy
B. Tuyến vị
C. Tuyến ruột
D. Tuyến nước bọt

Câu 31. Trong nước bọt có chứa loại enzym nào ?

- A. Lipaza B. Mantaza
C. Amilaza D. Prôtêaza

Câu 32. Loại răng nào có vai trò chính là nghiền nát thức ăn ?

- A. Răng cửa
B. Răng hàm
C. Răng nanh
D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 33. Loại đường nào dưới đây được hình thành trong khoang miệng khi chúng ta nhai kĩ cơm ?

- A. Lactôzơ B. Glucôzơ
C. Mantôzơ D. Saccarôzơ

Câu 34. Sự kiện nào dưới đây xảy ra khi chúng ta nuốt thức ăn ?

- A. Tất cả các phương án còn lại
B. Khẩu cái mềm hạ xuống

C. Nếp thanh quản đóng kín đường tiêu hoá

D. Lưỡi nâng lên

Câu 35. Loại cơ nào dưới đây không có trong cấu tạo của thực quản ?

A. Tất cả các phương án còn lại

B. Cơ dọc

C. Cơ vòng

D. Cơ chéo

Câu 36. Mỗi ngày, một người bình thường tiết khoảng bao nhiêu ml nước bọt ?

A. 1000 – 1500 ml

B. 800 – 1200 ml

C. 400 – 600 ml

D. 500 – 800 ml

Câu 37. Cơ quan nào đóng vai trò chủ yếu trong cử động nuốt ?

A. Họng B. Thực quản

C. Lưỡi D. Khí quản

Câu 38. Tuyến nước bọt lớn nhất của con người nằm ở đâu ?

A. Hai bên mang tai

B. Dưới lưỡi

C. Dưới hàm

D. Vòm họng

Câu 39. Thành phần nào dưới đây của thức ăn hầu như không bị tiêu hoá trong khoang miệng ?

A. Tất cả các phương án còn lại

B. Lipit

C. Vitamin

D. Nước

Câu 40. Nước bọt có pH khoảng

A. 6,5. B. 8,1.

C. 7,2. D. 6,8.

Câu 41. Dạ dày được cấu tạo bởi mấy lớp cơ bản ?

A. 3 lớp B. 4 lớp

C. 2 lớp D. 5 lớp

Câu 42. Từ ngoài vào trong, các cơ của dạ dày sắp xếp theo trật tự như thế nào ?

A. Cơ dọc – cơ chéo – cơ vòng

B. Cơ chéo – cơ vòng – cơ dọc

C. Cơ dọc – cơ vòng – cơ chéo

D. Cơ vòng – cơ dọc – cơ chéo

Câu 43. Tuyến vị nằm ở lớp nào của dạ dày ?

A. Lớp niêm mạc

B. Lớp dưới niêm mạc

C. Lớp màng bọc

D. Lớp cơ

Câu 44. Trong dạ dày, nhờ sự có mặt của loại axit hữu cơ nào mà pepsinôgen được biến đổi thành pepsin – enzym chuyên hoá với vai trò phân giải prôtêin ?

A. HNO_3

B. HCl

C. H_2SO_4

D. HBr

Câu 45. Trong dịch vị của người, nước chiếm bao nhiêu phần trăm về thể tích ?

A. 95%

B. 80%

C. 98%

D. 70%

Câu 46. Trong dạ dày hầu như chỉ xảy ra quá trình tiêu hoá

A. prôtêin.

B. gluxit.

C. lipit.

D. axit nucleic.

Câu 47. Chất nhày trong dịch vị có tác dụng gì ?

A. Bảo vệ dạ dày khỏi sự xâm lấn của virus gây hại.

B. Dự trữ nước cho hoạt động co bóp của dạ dày

C. Chứa một số enzym giúp tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn

D. Bao phủ bề mặt niêm mạc, giúp ngăn cách các tế bào niêm mạc với pepsin và HCl .

Câu 48. Thông thường, thức ăn được lưu giữ ở dạ dày trong bao lâu ?

A. 1 – 2 giờ

B. 3 – 6 giờ

C. 6 – 8 giờ

D. 10 – 12 giờ

Câu 49. Thức ăn được đẩy từ dạ dày xuống ruột nhờ hoạt động nào sau đây ?

1. Sự co bóp của cơ vùng tâm vị

2. Sự co bóp của cơ vòng môn vị

3. Sự co bóp của các cơ dạ dày

A. 1, 2, 3

B. 1, 3

C. 2, 3

D. 1, 2

Câu 50. Với khẩu phần đầy đủ chất dinh dưỡng thì sau khi tiêu hoá ở dạ dày, thành phần nào dưới đây vẫn cần được tiêu hoá tiếp tại ruột non ?

A. Tất cả các phương án còn lại

B. Lipit

C. Gluxit

D. Prôtêinv

Câu 51. Lớp cơ của thành ruột non được cấu tạo từ mấy loại cơ ?

A. 1 loại B. 4 loại

C. 3 loại D. 2 loại

Câu 52. Dịch ruột và dịch mật đổ vào bộ phận nào của ống tiêu hoá ?

A. Tá tràng

B. Manh tràng

C. Hồng tràng

D. Hồi tràng

Câu 53. Trong các bộ phận dưới đây, quá trình tiêu hoá thức ăn về mặt hoá học diễn ra mạnh mẽ nhất ở bộ phận nào ?

A. Hồi tràng

B. Hồng tràng

C. Dạ dày

D. Tá tràng

Câu 54. Trong ống tiêu hoá ở người, dịch ruột được tiết ra khi nào ?

A. Khi thức ăn chạm lên niêm mạc dạ dày

B. Khi thức ăn chạm lên niêm mạc ruột

C. Khi thức ăn chạm vào lưỡi

D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 55. Độ axit cao của thức ăn khi xuống tá tràng chính là tín hiệu

A. đóng tâm vị.

B. mở môn vị.

C. đóng môn vị.

D. mở tâm vị.

Câu 56. Loại dịch tiêu hoá nào dưới đây có vai trò nhũ tương hoá lipid ?

A. Dịch tụy

B. Dịch mật

C. Dịch vị

D. Dịch ruột

Câu 57. Sau khi trải qua quá trình tiêu hoá ở ruột non, prôtêin sẽ được biến đổi thành

A. glucôzơ. B. axit béo.

C. axit amin. D. glixêrol.

Câu 58. Lớp cơ của thành ruột non có vai trò nào sau đây ?

1. Dự trữ chất dinh dưỡng, phòng khi cơ thể thiếu hụt dinh dưỡng vì nguyên nhân nào đó

2. Co bóp tạo lực đẩy thức ăn dần xuống các phần tiếp theo của ống tiêu hoá

3. Co bóp giúp thức ăn thấm đều dịch tụy, dịch mật và dịch ruột, tăng hiệu quả tiêu hoá thức ăn

A. 1, 2, 3

- B. 1, 3
- C. 1, 2
- D. 2, 3

Câu 59. Loại dịch nào đóng vai trò quan trọng nhất trong quá trình tiêu hoá thức ăn ở ruột non ?

- A. Dịch tụy B. Dịch ruột
- C. Dịch mật D. Dịch vị

Câu 60. Khi không có kích thích của thức ăn, cơ quan nào dưới đây không tiết ra dịch tiêu hoá ?

- A. Tất cả các phương án còn lại
- B. Gan
- C. Ruột non
- D. Tụy

Câu 61. Trong ống tiêu hoá của người, vai trò hấp thụ chất dinh dưỡng thuộc về bộ phận nào ?

- A. Dạ dày B. Ruột non
- C. Ruột già D. Thực quản

Câu 62. Đặc điểm nào của ruột non giúp chúng tăng hiệu quả hấp thụ chất dinh dưỡng ?

- A. Hệ thống mao mạch máu và mao mạch bạch huyết dày đặc, phân bố tới từng lông ruột
- B. Lớp niêm mạc gấp nếp, trên đó là các mào với lông ruột dày đặc giúp làm tăng diện tích bề mặt ruột non lên
- C. Kích thước rất dài (2,8 – 3 mét)
- D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 63. Có khoảng bao nhiêu phần trăm lipid được vận chuyển theo con đường máu ?

- A. 70% B. 40%
- C. 30% D. 50%

Câu 64. Loại vitamin nào dưới đây được vận chuyển theo con đường bạch huyết về tim ?

- A. Vitamin B1
- B. Vitamin E
- C. Vitamin C
- D. Tất cả các phương án còn lại

Câu 65. Tại ruột già xảy ra hoạt động nào dưới đây ?

- A. Hấp thụ lại nước
- B. Tiêu hoá thức ăn
- C. Hấp thụ chất dinh dưỡng
- D. Nghiền nát thức ăn

Câu 66. Nếu qua hệ tiêu hoá, chất độc bị hấp thụ vào con đường máu thì chúng sẽ bị khử tại đâu ?

- A. Tim B. Dạ dày C. Thận D. Gan

Câu 67. Chất nào dưới đây được hấp thụ từ ruột non và vận chuyển theo đường máu về tim ?

- A. Axit béo B. Tất cả các phương án còn lại

C. Glucôzơ D. Vitamin C

Câu 68. Loại cơ nào dưới đây không tham gia vào quá trình thải phân khi đại tiện ?

A. Tất cả các phương án còn lại

B. Cơ chéo bụng ngoài

C. Cơ vòng hậu môn

D. Cơ nhị đầu

Câu 69. Vai trò chủ yếu của ruột già là gì ?

A. Thải phân và hấp thụ đường

B. Tiêu hoá thức ăn và thải phân

C. Hấp thụ nước và thải phân

D. Tiêu hoá thức ăn và hấp thụ chất dinh dưỡng

Câu 70. Các chất dinh dưỡng được hấp thụ qua đường máu sẽ đổ về đâu trước khi về tim ?

A. Tĩnh mạch chủ dưới

B. Tĩnh mạch cảnh trong

C. Tĩnh mạch chủ trên

D. Tĩnh mạch cảnh ngoài

II. Dặn dò

Yêu cầu photo Trọng tâm ôn tập, rà soát các câu hỏi, tự trả lời, báo kết quả cho cô trước khi vào tuần ôn chính thức.